TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/QĐST-HNGĐ	*Uông Bí, ngày 10 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 202, Điều 203 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 04/2024/TLST - HNGĐ ngày 07-11-2024 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.
2. Chị Nguyễn Thị Anh T1, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: tổ 23A, khu P, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Anh T1 tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 07-10-2016 nên hôn nhân của anh T và chị T1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh T và chị T1 chung sống hạnh phúc đến khoảng ba năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hiện tại vợ chồng anh T và chị T1 đã sống ly thân. Nay, anh T và chị T1 đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc anh T chị T1 thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 *(một)* con chung là Nguyễn Dương A, sinh ngày 22-4-2017. Khi ly hôn, anh T và chị T1 thỏa thuận chị T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Dương A từ tháng 12/2024 cho đến khi con chung thành niên; Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh T và chị T1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3] Về tài sản chung: anh T và chị T1 tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh T và chị T1 là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị AnhT1 mỗi người tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Anh T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị Anh T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Dương A, sinh ngày 22-4-2017 kể từ tháng 12/2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng: anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đồng thời đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Anh T1 tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Nguyễn Văn T chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh T1 đã nộp là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002772 ngày 04-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thị Anh T1 chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị T1 đã nộp là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002776 ngày 04-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Anh T, chị T1 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Uông Bí;
- UBND phường Q. (Nơi ĐKKH).
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự, VP./.

THẨM PHÁN

Vũ Huy Hùng